

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PH**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 01 năm 2025

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Ch.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Th và bà Nguyễn Thị H.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải L –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ph tham gia phiên toà:
Ông Hà Trọng Th - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Dương Thị Gi**, sinh năm 1984 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: khu Tân Lập, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Gi: ông Lã Thành C – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ph (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh **Triệu Tài H**, sinh năm 1984 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: khu Tân Lập, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H: ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ph (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Dương Thị Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 12/12/2001, chị Dương Thị Gi với anh Triệu Tài H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì cuộc sống chung bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2022. Nay xét tình cảm không còn, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị Gi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Tài H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Gi, anh H có 02 con chung là cháu Triệu Tiến S, sinh ngày 15/10/2001 và cháu Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/10/2007. Khi vợ chồng anh chị ly hôn, đối với cháu S đã thành niên nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; còn đối với cháu Th, nguyện vọng của cháu muốn ở cùng với bố hay mẹ thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung đến khi cháu khôn lớn trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2]. Về phía Bị đơn anh Triệu Tài H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống, ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Gi trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai là đúng. Nay chị Gi xin ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị Gi trình bày là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn, đối với cháu S đã thành niên nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; còn đối với cháu Th, nguyện vọng của cháu muốn ở cùng với bố hay mẹ thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung đến khi cháu khôn lớn trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Quan điểm của đại diện UBND xã Thu Cúc: Tại Biên bản xác minh ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện T với đại diện UBND xã Thu Cúc, địa phương cung cấp như sau:

Về tình trạng hôn nhân: Chị Dương Thị Gi và anh Triệu Tài H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thu Cúc ngày 12/12/2001. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng với gia đình anh H tại khu Tân Lập, xã Thu Cúc. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì anh chị thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng anh chị vẫn không chủ động và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc. Từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay, chị Gi đã đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị Gi có đơn khởi kiện xin được ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: chị Gi và anh H có 02 con chung là cháu Triệu Tiến S, sinh ngày 15/10/2001 và cháu Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/10/2007. Nay hai anh chị ly hôn, đối với cháu S đã thành niên nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; còn đối với cháu Th, địa phương đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu khi giải quyết vấn đề con chung do nay cháu đã đủ trên 07 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: chị Gi, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

[4] Quan điểm của con chung chưa thành niên:

- Tại Bản tự khai ngày 13/11/2024, cháu Triệu Thị Thu Th trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ (chị Gi) khi chị Gi và anh H ly hôn.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ph phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các bên hòa giải không thành nên Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Thẩm phán đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Nguyên đơn, Bị đơn theo đúng khoản 1 Điều 175, khoản 1,2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: chị Gi, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Gi, anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Gi.

Về con chung: chị Gi, anh H có 02 con chung là cháu Triệu Tiên S, sinh ngày 15/10/2001 và cháu Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/10/2007. Khi chị Gi và anh H ly hôn, đối với cháu S đã thành niên nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; còn đối với cháu Th, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng với mẹ (chị Gi). Do đó, xem xét nguyện vọng của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn và nhân gia đình, giao cháu Triệu Thị Thu Th cho chị Gi nuôi dưỡng là phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Gi không yêu cầu.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: chị Gi, anh H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào chị Gi, anh H có yêu cầu thì anh, chị có quyền làm đơn đề nghị giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định.

Về án phí dân sự: Chị Dương Thị Gi được miễn toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

[6]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Gi.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/10/2007 cho chị Gi trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

đến khi cháu Th khôn lớn trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Gi không yêu cầu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: chị Gi, anh H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Dương Thị Gi được miễn toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

[7]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn:
Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị Gi có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph cho chị được ly hôn với anh Triệu Tài H, sinh năm 1984; trú tại: khu Tân Lập, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và Bị đơn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Gi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Gi, anh H theo đúng khoản 1 Điều 175 và khoản 1,2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Gi và anh H trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Năm 2001, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Gi cho rằng từ đầu năm 2020 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp với nhau. Chị và anh H đã chính thức ly thân từ đầu năm 2022, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía anh H muốn vợ chồng về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với chị Gi.

Để thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Gi và anh H, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Thu Cúc thấy rằng: Lời trình bày của chị Gi về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh H là hoàn toàn đúng. Đại diện địa phương cũng xác nhận chị Gi và anh H chung sống không hòa thuận hạnh phúc, hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Gi, anh H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy,

Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Gi đối với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Gi, anh H có 02 con chung là cháu Triệu Tiến S, sinh ngày 15/10/2001 và cháu Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/10/2007.

Khi vợ chồng ly hôn, đối với cháu S đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; còn đối với cháu Th, chị Gi và anh H đều thống nhất quan điểm giải quyết theo nguyện vọng của con chung, cháu Th muốn ở cùng với bố hay mẹ thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu đến khi khôn lớn trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy, hiện nay cháu Th đang ở cùng mẹ với các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học của cháu phát triển bình thường. Để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu thì nên giao cho chị Gi tiếp tục chăm sóc cháu Th. Ngoài ra, cháu Th đã trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ (chị Gi) khi chị Gi và anh H ly hôn.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/10/2007 cho chị Gi trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th khôn lớn trưởng thành là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị Gi, anh H có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

Anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Gi tự nguyện không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Gi, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này chị Gi, anh H có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị Dương Thị Gi là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao), hiện đang cư trú tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí ly hôn theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn, Bị đơn là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Dương Thị Gi được ly hôn anh Triệu Tài H.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Dương Thị Gi trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/10/2007 kể từ tháng 01 năm 2025 đến khi cháu Th thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Dương Thị Gi.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Gi, anh H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Ch

